

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhân

2. Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lại – Thư ký Tòa án huyện Mỏ Cày Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **6** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Hồng M**, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 10/02/2020, bản khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa anh Lê Hồng M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 04/8/1997 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mỏ Cày Nam. Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hồng Q, sinh: 10/7/1997 và Lê Hồng Kh, sinh: 29/4/2010. Từ năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát lẫn nhau trong thời gian dài gây ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên anh đã dọn ra ở riêng và đã ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay. Hiện nay, anh cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị H nữa nên cương quyết xin được ly hôn.

- Về con chung: Cháu Lê Hồng Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn anh đồng ý để cháu Lê Hồng Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Theo bản khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Chị thống nhất về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn cũng như con chung như anh M trình bày. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, chị mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để lo cho ông bà nội và các con. Trường hợp anh M cương quyết ly hôn thì chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồng Kh, về mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi chị không có ý kiến. Cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử cũng như các đương sự thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M, con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, ghi nhận anh M cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Anh Lê Hồng M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H. Do đó, xét đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Chị Nguyễn Thị Thúy H có nơi cư trú tại xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về Nội dung:

Anh Lê Hồng M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H, yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, chị H không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về hôn nhân: Anh Lê Hồng M và Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mỏ Cày

Nam và được cấp giấy chứng nhận ngày 04/8/1997. Do đó, hôn nhân của anh M và chị H đã hội đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh M và chị H có 02 con chung nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà anh chị đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Quá trình giải quyết Tòa án đã 02 lần hòa giải để anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, Tòa án cũng đã xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị cho thấy thực tế anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh M và chị H đã đến mức trầm trọng và anh M không mong muốn tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M là phù hợp.

2.2 Về con chung: Anh M và chị H có 02 con chung tên Lê Hồng Q, sinh: 10/7/1997 và Lê Hồng Kh, sinh: 29/4/2010. Quá trình xác minh cũng như việc lấy ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên, cháu Kh có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận anh M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 4.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi. Cháu Lê Hồng Q đã trưởng thành không có yêu cầu nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

2.4 Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng 300.000 đồng anh Minh có nghĩa vụ nộp.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Hồng M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

[2] Về con chung: Anh M và chị H có 02 con chung tên Lê Hồng Q, sinh: 10/7/1997 và Lê Hồng Kh, sinh: 29/4/2010. Sau khi ly hôn cháu Kh sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 4.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi. Cháu Lê Hồng Q đã trưởng thành không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được quyền ngăn cản.

Anh M, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập.

[4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Lê Hồng M phải nộp nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số: 0010356 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh M còn phải nộp tiếp với số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- UBND xã A, huyện Mỏ Cày Nam;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí